|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN THÔNG TIN**  **ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỉ 21, đã và đang gây ra những biến đổi mạnh mẽ thông qua các hiện tượng thời tiết cực đoan, dị thường. Điển hình của kiểu thời tiết dị thường là nhiệt độ tăng, bão mạnh, mưa lớn, lũ lụt, hạn hán và nước biển dâng cao… Trong đó, Việt Nam đã và đang phải đương đầu với những biểu hiện ngày càng gia tăng của những hiện tượng thời tiết này.*  (Theo *Báo mới,* ngày 07/11/2009)  a. Đoạn văn trên đề cập đến vấn đề bức thiết nào của cuộc sống nhân loại?  A. Thời tiết cực đoan. B. Biến đổi khí hậu.  C. Thời tiết dị thường. D. Nước biển dâng cao.  b. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau:  *Điển hình của kiểu thời tiết dị thường là nhiệt độ tăng, bão mạnh, mưa lớn, lũ lụt, hạn hán và nước biển dâng cao…*  c. Đặt một câu nói về một *kiểu thời tiết dị thường* trong đó có thành phần trạng ngữ. (*Chỉ rõ thành phần trạng ngữ đó*).  d. Hãy nêu ít nhất hai hậu quả mà con người phải gánh chịu do ảnh hưởng của *kiểu thời tiết dị thường*.  **GỢI Ý**   |  |  | | --- | --- | |  | **Về đoạn trích theo *Báo mới,* ngày 07/11/2009** | | a | B. Biến đổi khí hậu | | b | - Biện pháp liệt kê  - Tác dụng: Diễn tả đầy đủ hơn những biểu hiện khác nhau của kiểu thời tiết dị thường do biến đổi khí hậu gây ra. | | c | - Học sinh đặt được một câu hoàn chỉnh theo đúng nội dung yêu cầu.  - Chỉ ra đúng thành phần trạng ngữ. | | d | - Học sinh nêu được đúng ít nhất hai hậu quả mà con người phải gánh chịu do ảnh hưởng của *kiểu thời tiết dị thường.*  Ví dụ:thiệt hại về người và tài sản, môi trường sống bị ô nhiễm, diện tích đất liền bị thu hẹp…  (*Nếu học sinh chỉ nêu được một hậu quả thì đạt 0.5 điểm*) |   **ĐỀ 2**. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Chính những tác động tiêu cực cộng thêm việc khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên, con người đã và đang dần biến môi trường từ một mảng xanh tươi mát trở nên u ám và tối tăm. Hệ quả tất yếu, con người cũng không tránh khỏi chuyện trở thành nạn nhân của ô nhiễm môi trường, khi mỗi năm, phải chống chọi với những cơn thịnh nộ dữ dội của thiên nhiên. Mỗi ngày, phải đối diện với cảnh khói bụi nghi ngút và mỗi giờ phải chịu đựng sự khắc nghiệt của biến đổi khí hậu trên toàn cầu. Trước tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của môi trường như hiện nay, con người cần phải hành động lập tức, bắt đầu từ những điều cơ bản nhất. Sống xanh chính là chìa khoá cho vấn đề này. Sống xanh tuy không mới nhưng có lẽ với nhiều người, nó cũng còn khá lạ lẫm và mơ hồ. Sống xanh giúp giảm thiểu sử dụng không khoa học nguồn tài nguyên của Trái Đất, không hi sinh hay ảnh hưởng tiêu cực đến thế hệ mai sau nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ nhu cầu hiện tại.  Đừng ích kỉ, hãy mở lòng để quan tâm nhiều hơn đến thế giới ta đang sống là chiếc chìa khoá thứ hai để giải quyết tình trạng môi trường đang ngày càng xuống cấp trầm trọng. Cần phải nhớ rằng, Mẹ thiên nhiên đã ban tặng cho con người rất nhiều thứ quý giá, thế nên, giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên chính là trách nhiệm của mỗi chúng ta.  Bảo vệ môi trường không nhất thiết là phải soạn thảo ra một kế hoạch tầm vĩ mô hay nghiên cứu tạo thành một cỗ máy hiện đại. Thay vào đó, chỉ cần những hành động nhỏ nhặt như tiết kiệm điện, nước, hạn chế sử dụng túi ni lông, giữ gìn vệ sinh đường phố và nơi ở, trồng cây xanh, yêu thương bảo vệ động vật,... là bạn đang thể hiện một cách đúng đắn lối sống văn minh, sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường. Đối xử thân thiện với môi trường đồng nghĩa với việc đối xử tốt với cuộc sống của chính mình. 06100  (Sống xanh cho Trái Đất xanh, theo báo điện tử Tài nguyên & Môi trường, ngày 23/4/2019, https://baotainguyenmoitruong.vn/song-xanh-cho-trai-dat-xanh-249404.html)  1. Tuy cùng đề cập vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu nhưng đoạn trích trên có cách tiếp cận khác với văn bản Thuỷ tiên tháng Một. Hãy nêu rõ cách tiếp cận khác đó.  2. Dựa vào những gợi mở của tác giả, hãy bổ sung ý để làm sáng tỏ thêm khái niệm “sống xanh”  3. Trình bày khái quát về hai vấn đề được tác giả xem là “chìa khoá” trong việc cải thiện môi trường sống hiện nay. Nêu nhận xét của em về tính thuyết phục của ý kiến này.  4. Đoạn trích gồm có 4 đoạn văn. Mạch lạc giữa các đoạn văn đó đã được thể hiện như thế nào?  5. Nếu cần xác định một số từ khoá cho đoạn trích, em sẽ chọn từ hoặc cụm từ nào? Nêu rõ lí do chọn lựa của em.  GỢI Ý  1. Tuy cùng đề cập vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu nhưng văn bản Thuỷ tiên tháng Một và đoạn trích thể hiện hai cách tiếp cận khác nhau. Nếu Thuỷ tiên tháng Một tập trung nêu các biểu hiện khó lường của hiện tượng biến đổi khí hậu (với nhu cầu xác định đúng tên gọi cho nó) thì đoạn trích lại nghiêng về xác định trách nhiệm của con người trước hiện tượng này.  2. Dựa vào những gợi mở của tác giả, có thể nói về khái niệm “sống xanh” như sau: - Sống xanh là cách nói hình ảnh về một lối sống được cổ vũ, khuyến khích hiện nay, trong bối cảnh môi trường sống trên Trái Đất đang bị ” tổn thương”.trường, có hiểu biết đầy đủ về những tác hại đối với môi trường của một số thói quen sinh hoạt, lề lối sản xuất và kiểu khai thác vô tội vạ tài nguyên trên Trái Đất.  – Sống xanh gắn với nỗ lực không mệt mỏi nhằm phục hồi sự cân bằng sinh thái, đảm bảo quyền tồn tại cho mọi loài sinh vật. – Nhìn gần hơn, sống xanh cũng là sống “giảm rác”, xem rác – nhất là loại rác thải có hại cho môi trường – là một trong những yếu tố cản trở con người tìm  được cách sống hoà điệu với tự nhiên.  3. Trong đoạn trích, tác giả nêu hai vấn đề có ý nghĩa “chìa khoá” đối với việc cải thiện môi trường sống hiện nay: – “Chìa khoá” thứ nhất là cần thực hiện sống xanh, giảm thiểu việc sử dụng  thiếu khoa học những tài nguyên của Trái Đất. – “Chìa khoá” thứ hai là mỗi người cần quan tâm nhiều hơn đến vấn đề bảo vệ môi trường, nâng niu những quà tặng quý giá của Mẹ thiên nhiên.  Thực ra, hai “chìa khoá” này bao hàm lẫn nhau. Sống xanh là gì nếu không phải là sống với sự ý thức cao độ về vấn đề bảo vệ môi trường? Ngược lại, nếu thực sự quan tâm đến việc chung tay bảo vệ Trái Đất thì làm sao lại từ chối sống xanh?  4. Đoạn trích gồm 4 đoạn văn có mối quan hệ với nhau khá chặt chẽ và hướng tới một chủ đề chung: cùng hành động để giảm tác hại của biến đổi khí hậu và cứu vãn sự suy thoái của môi trường sống. Đoạn 1 phác hoạ bối cảnh chung và nêu lên tính cấp thiết của việc phải hành động nhằm khắc phục những hậu quả do con người gây ra cho thiên nhiên. Đoạn 2 và đoạn 3 lần lượt nêu các giải pháp (được gọi là “chìa khoá”) có thể giúp làm thay đổi tình hình theo hướng tích cực. Đoạn 4 đưa ra khuyến nghị về những việc mỗi người cần làm hằng ngày, tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn để góp phần vào nỗ lực chung của cả nhân loại. Nói chung, lỗ-gíc triển khai nội dung đoạn trích là đi từ trình bày thực trạng đến nêu giải pháp. Theo lô-gíc, mạch lạc của đoạn trích được thể hiện rất rõ.  5. Việc xác định từ khoá cho đoạn trích không nhất thiết phải dẫn đến một đáp án duy nhất, bởi ở đây, một số từ, thuật ngữ có nghĩa tương đương, có thể thay thể cho nhau. Tuy nhiên, nếu xác định đoạn trích có tính chất của một văn bản thông tin về chương trình hành động, có thể chọn cụm từ hay thuật ngữ sống xanh. Chính thuật ngữ này có thể trở thành trung tâm kết nối các thông tin, các ý đã được trình bày trong đoạn trích với nhau.  **ĐỀ 3**. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Kinh tế biển xanh lấy môi trường và bảo toàn vốn tự nhiên biển làm “chất xúc tác” cho tăng trưởng, thoát dần nền “kinh tế nâu” và tăng cường phúc lợi xã hội…”. Trong khi “tăng trưởng xanh” được xem là một định hướng mới, thúc đẩy kinh tế phát triển theo những mô hình tiêu thụ và sản xuất bền vững nhằm bảo đảm nguồn vốn tự nhiên tiếp tục cung cấp những nguồn lực và dịch vụ hệ sinh thái mà đời sống của chúng ta phụ thuộc vào). Như vậy, có thể xem tăng trưởng xanh định hướng mục tiêu cần đạt cho một phương thức phát triển nền kinh tế xanh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu (global change) và trở thành nền tảng cho phát triển bền vững biển. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới3). Tương tự như vậy, “một nền kinh tế biển đạt được mức “xanh” hay “bền vững” khi các hoạt động kinh tế ở trạng thái cân bằng với năng lực tải của các hệ sinh thái biển trong dài hạn (để hỗ trợ cho các hoạt động đó) và vẫn bảo toàn được sức chống chịu và sức khoẻ của các hệ sinh thái này”4).  (Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên), An ninh môi trường và hoà bình ở Biển Đông, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr. 147 – 148)  1. Nếu được đặt nhan đề cho đoạn trích, em sẽ đặt như thế nào? Nói rõ lí do vì sao em đặt nhan đề như vậy.  2. Em hiểu như thế nào về khái niệm tăng trưởng xanh được tác giả sử nhiều lần trong đoạn trích này?  3. Hãy chỉ ra điểm chung về nội dung giữa đoạn trích này và các văn bản, đoạn dung trích khác được nhắc tới trong các bài tập 1, 3, 7 ở trên.  4. Nội dung các cước chú gắn với đoạn trích trên nhắc em nhớ tới kiến thức nào được học trong bài 9. Hoà điệu với tự nhiên? Có thể rút ra từ đây kinh nghiệm gì khi đọc hay viết một văn bản thông tin?  5. Trong đoạn trích có một số thuật ngữ chưa được ghi cước chú. Hãy nêu một vài thuật ngữ trong số đó và thử tra cứu tài liệu để ghi cước chú cho mỗi thuật ngữ.  6. Tìm thêm những cụm từ có từ xanh được hiểu theo nghĩa ẩn dụ như xanh trong tăng trưởng xanh và giải thích nghĩa của những cụm từ đó.  GỢI Ý  1. Có thể đặt nhan đề cho đoạn trích là “Kinh tế biển bền vững” hay “Vì một nền kinh tế biến bên vững”, bởi trọng tâm của đoạn trích là nói đến vai trò của kinh tế biên trong chiến lược tăng trưởng xanh của các nền kinh tế tham gia cuộc chơi toàn cầu trên thế giới.  2. Đặt trong ngữ cảnh của đoạn trích, cụm từ tăng trưởng xanh có thể được hiểu như sau:  - Đó là một định hướng thúc đẩy kinh tế phát triển theo những mô hình tiêu thụ và sản xuất bền vững.  - Đó là mục tiêu cần đạt của nền kinh tế xanh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu.  - Đó là nhân tố tích cực làm chất xúc tác cho chiến lược đầu tư và đổi mới các nền kinh tế trên thế giới.  Hai khái niệm tăng trưởng xanh và kinh tế xanh có mối liên hệ mật thiết với nhau. Nền kinh tế chọn hướng tăng trưởng xanh sẽ được gọi là nền kinh tế xanh.   3. Các điểm chung về nội dung giữa đoạn trích này và các văn bản, đoạn trích khác được nhắc tới trong các bài tập 1, 3, 7:  - Đều quan tâm đến thực trạng môi trường trên Trái Đất hiện nay đổi khí hậu biến đổi khí hậu đáng lo ngại.  – Đều hướng người đọc tới một nhận thức đúng đắn về sự suy thoái của mỗi hắc phục trường tự nhiên mà một phần nguyên nhân nằm ở các hoạt động thiếu cân nhắc của con người.  - Đều gợi mở chiến lược hoạt động nhằm cải biến thực trạng môi trường, khiến cho nó trở nên thân thiện với con người.  4. Tất cả các cước chú đều cho biết nguồn tài liệu tham khảo mà tác giả đã sử dụng khi triển khai nội dung của đoạn trích. Rõ ràng, để viết một văn bản thông tin có hàm lượng thông tin khoa học cao, việc tham khảo nhiều tài liệu liên quan là hết sức cần thiết. Ở đây, những thông tin từ tài liệu tham khảo đã được tác giả sử dụng dưới hai hình thức: tóm lược bằng ngôn ngữ của mình và trích dẫn nguyễn văn (đặt câu trích dẫn trong dấu ngoặc kép). Dù sử dụng tài liệu theo hình thức nào, tác giả đều ghi rõ nguồn. Điều này thể hiện sự nghiêm túc trong việc kế thừa những ý tưởng, ý kiến của người khác và s chuyên nghiệp trong việc tạo lập một văn bản thông tin. Với độc giả, nếu muốn tìm hiểu sâu về vấn đề đang bàn, có thể tìm đọc các tài liệu đã được tác giả ghi nguồn. Qua đoạn trích, có thể thấy thêm một cách ghi tài liệu tham khảo nữa, ngoài hai cách đã được nhận biết và tìm hiểu qua đọc văn bản Thuỷ tiên tháng Một và qua tiết Thực hành tiếng Việt (SGK, tr. 83 – 84). Nếu tác giả Thô-mát L. Phrít-man ghi ngay nguồn tài liệu tham khảo ở phần chính của văn bản bên cạnh nội dung được trích dẫn thì tác giả Nguyễn Chu Hồi lại đặt nguồn tài liệu tham khảo vào vị trí cước chú.  5. Một số thuật ngữ chưa được ghi cước chú trong đoạn trích: hệ sinh thái, kinh tế biển xanh, kinh tế nâu, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh,... Em hãy dựa vào kết quả thực hiện một số bài tập trước đó (của cùng bài học), kết hợp với việc tra cứu những tài liệu có thể tìm được để ghi cước chú cho một vài thuật ngữ tự chọn.  6. Trong tiếng Việt, từ xanh ngoài việc được dùng để chỉ màu sắc của một sự vật cụ thể, nhiều khi còn được dùng theo nghĩa ẩn dụ để gợi lên ấn tượng về sự yên bình hay sức sống của một đối tượng nào đó. Xanh trong tăng trưởng xanh, kinh tế xanh xuất hiện ở đoạn trích này là một ví dụ. Có thể nói đến một số cụm từ khác có từ xanh được sử dụng theo cách này như: ước mơ xanh, khát vọng xanh, tuổi xanh, ngày Chủ nhật xanh,...  **ĐỀ 4**. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Lễ hội “nghinh Ông” ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những lễ hội thờ cúng cá voi được xác định đã có lâu đời, ít nhất là từ đầu thế kỉ trước. [...] Tại xã Cần Thạnh, trước ngày lễ hội người ta đã tạm ngưng mọi việc đi biển để lo trang trí ghe thuyền cũng như chuẩn bị các điều kiện khác cho lễ hội. Từ chiều ngày 15 tháng 8 đến sáng ngày 16 tháng 8 âm lịch, quanh khu vực Lăng Ông (nơi thờ cá voi), người ta đã tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, trò chơi dân gian sôi nổi... Khoảng 9 giờ ngày 16 tháng 8, nghi thức chính của lễ hội bắt đầu bằng “Lễ nghinh (rước) Ông” trên biển với hàng trăm chiếc ghe (thuyền) được trang hoàng cờ hoa rực rỡ và có bày hương án cùng các lễ vật như heo quay (với đủ cả “bộ đồ lòng”), xôi, gạo, muối, hoa, trái, nhang, đèn và vàng bạc,... Trong đó, chiếc ghe của chủ lễ phải là ghe lớn nhất và được trang hoàng đặc biệt nhất: rồng được vẽ hai bên thành ghe, hoa (vạn thọ) trang trí bốn góc mui ghe, cờ nước và nhiều cờ ngũ hành ở trước và sau ghe, những hoành phi đề chữ to “Cung nghinh Ông Thuỷ Tướng” “Hiển hách anh linh” và “Quốc thái dân an”. Trên ghe, bên cạnh bàn hương án có linh vị thờ Ông là các lễ vật, các đó khí tự... và túc trực chung quanh là Ban tế lễ, Ban nhạc lễ cùng các lễ sinh... Tất cả đều mặc lễ phục trang trọng.chờ đợi thì chiếc ghe của chủ lễ đi thêm một đoạn rồi dừng lại giữa biển để làm “Lễ cúng Ông”. Sau ba hồi trống nổi lên, vị chủ lễ bắt đầu thực hiện việc tế tự theo nghi thức cổ truyền Nam Bộ như dâng hương, dâng rượu, dâng trà, đọc văn tế (trước kia sau khi làm lễ xong người ta còn ném các lễ vật xuống biển để “cúng” những người chết biển...). Sau đó, kết thúc “Lễ cúng Ông” trên biển trước đây phải là những tràng pháo ròn rã, là hiệu lệnh để tất cả các ghe thuyền cùng tiến ra đón “Ông” và cùng “Ong” diễu hành quay trở về bờ. Không khí lúc này thật rộn ràng bởi tiếng pháo, tiếng chiêng, tiếng trống vang động cả một vùng biển trời dày đặc những thuyền ghe lớn nhỏ xen cài vào nhau. [...]  Từ bến tàu trở về Lăng Ông lại tiếp tục diễn ra “Lễ rước Ông” rất long trọng với múa lân (sau này có cả múa rồng) cùng tiếng nhạc, tiếng pháo tưng bừng và đông nghịt người kéo theo đoàn rước giữa những bàn hương án toả nhang khói mù mịt hai bên đường đi. Sau khi làm lễ an vị Ông tại lăng, lễ tế Tiền Hiền, Hậu Hiền diễn ra và tiếp theo, ngay tối hôm đó (tức ngày 16 tháng 8, khoảng 12 giờ khuya), lễ “Chánh tế” được cử hành với các nghi thức và lễ vật tương tự như trong lễ Ki Yên của cung đình Nam Bộ. Sau đó là phần “Hát bội”. Chen kẽ giữa các nội dung trên là phần tế lễ tự do cho khách thập phương, và đương nhiên không thể thiếu những buổi liên hoan ăn uống, sinh hoạt văn nghệ vui vẻ tại lăng hoặc tại các gia đình ngư dân.  (Huỳnh Quốc Thắng, Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ, Viện Văn hoá và NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2003, tr. 105 – 109)  1. Có thể xem đoạn trích trên là một văn bản thông tin độc lập. Theo em, “văn bản” này có thể xếp cùng loại với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô được không? Vì sao?  2. Xác định mạch triển khai thông tin được thể hiện trong đoạn trích. Hãy so sánh cách triển khai ở đây với cách triển khai của văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô.  3. Các luật lệ của lễ hội nghinh Ông ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố  Hồ Chí Minh đã được tác giả giới thiệu như thế nào?  4. Theo hiểu biết của em, lễ hội thờ cúng cá voi thể hiện nét đẹp gì trong đời sống của cư dân vùng duyên hải Việt Nam?  5. Nêu đánh giá khái quát về sức hấp dẫn riêng của loại văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện đoạn trích trên và qua văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô. qua  6. Trong đoạn trích, ngoài các địa danh, tác giả còn viết hoa một số từ, cụm từ khác. Đó là từ, cụm từ nào? Lí do những từ, cụm từ đó được viết hoa là gì?  GỢI Ý  1. Có thể xem đoạn trích là một văn bản thông tin độc lập. Xét về mục đích viết và nội dung thông tin,“văn bản” này hoàn toàn có thể được xếp cùng loại với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô vì cả hai đều viết về lễ tục, có phần giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ phải được tuân thủ trong quá trình thực hành lễ tục.  2. Vì giới thiệu về lễ tục – một loại hoạt động diễn ra theo các bước được quy định chặt chẽ – nên thông tin trong đoạn trích chủ yếu được triển khai theo trình tự thời gian. Đây cũng là cách triển khai đã được tác giả văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô chọn lựa. Cũng như văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, các thông tin trong đoạn trích còn được tổ chức theo bố cục: Giới thiệu về tục (xuất xứ, không gian, thời gian tiến hành, đối tượng tham gia,...)  Thuật lại diễn biến của lễ tục (các nghi thức, lễ vật, các bước tiến hành, các hoạt động bắt buộc và tự do,...) → Đánh giá chung về lễ tục (ý nghĩa, tác dụng, ảnh hưởng,...). Cần lưu ý: Việc đánh giá chung về lễ tục ở đoạn trích có phần mờ nhạt so với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, do đoạn trích được lấy từ một cuốn sách mà phần đánh giá về các lễ tục nằm ở một đoạn khác.  3. Các luật lệ của lễ hội nghinh Ông ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã được tác giả giới thiệu rất cụ thể:  – Các đồ lễ (khí tự) phải được chuẩn bị đầy đủ, công - Ngày, giờ làm lễ phải được xác định rõ ràng  - Trình tự tiến hành lễ và các nghi thức phải được thực hiện đúng. - Nơi nào làm lễ gì phải được phân định rõ.  4. Lễ hội thờ cúng cá voi được ngư dân nhiều vùng duyên hải miền Trung và miền Nam Việt Nam tổ chức hằng năm. Tuy mỗi nơi có cách tiến hành riêng nhưng tinh thần chung toát lên từ tất cả các lễ hội đó vẫn là niềm biết ơn đối với sự hào phóng của Mẹ thiên nhiên cũng như sự hỗ trợ to lớn của một số lực lượng tự nhiên đã giúp con người vượt qua nhiều hoạn nạn (cá voi hay cá Ông được xem là hiện thân của sự hỗ trợ ấy đối với những người lao động trên biển). Qua các lễ hội này, có thể thấy người dân lao động xưa, cụ thể là ngư dân, luôn muốn duy trì nếp sống hài hoà với tự nhiên, tôn trọng và nương theo quy luật của tự nhiên để xây dựng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc.  5. Qua đoạn trích và qua văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, có thể thấy loại văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động hoàn toàn có thể hấp dẫn được người đọc. Sự hấp dẫn đó một phần do cái lạ của trò chơi hay hoạt động đưa lại (cái lạ thường gây tò mò), một phần do cách viết của các tác giả tạo nên. Trong cách viết, điều đáng nhấn mạnh là các tác giả thường kết hợp một cách nhuần nhị lối trình bày khúc chiết và lối miêu tả cụ thể; trong khi liên tiếp đưa ra những thông tin khách quan vẫn không quên chêm vào một số lời bình luận, phân tích hợp lí,... Ở nhiều văn bản, việc in kèm các bức ảnh minh hoạ sống động cũng khiến người đọc có được những ấn tượng tốt đẹp.  6. Trong đoạn trích, ngoài các địa danh, tác giả còn viết hoa một số từ, cụm từ khác như: Ông, Lăng Ông, Lễ hội nghinh Ông, Lễ nghinh Ông, Lễ cúng  **ĐỀ 5:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đằng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nây1. Mưa Nam hay mưa Chướng2, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp3. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà tất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch4 nầy làm sao đâu, vì khi nước ròng5 rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất nầy làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoảng khoát6, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.  Người ấp7 Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng8, khỏi9 chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài nầy thì thích không chịu được.  Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng toả ra từ mẻ un?, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi10 kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai11, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.  [...] Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  (Nguyễn Ngọc Tư, *Ngủ ở Mũi*, in trong Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư,  NXB Trẻ và Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 159 - 161)  Nầy: này.  Mưa Nam, mưa Chướng: tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau.  Chằm đóp: tấm rèm kết bằng lá dừa (người Khơ-me gọi là chằm đốn).  Con rạch: đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại.  Nước ròng: vị trí thấp nhất của mực nước trong chu kì thuỷ triều.  Khoảng khoát: rộng và thoáng.  Ấp: làng, xóm nhỏ.  Mùng: màn.  Khỏi: không cần.  Mẻ un: củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi,... được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi.  Cá thòi lòi: còn gọi là cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di  chuyển trên bùn.  Lai rai: uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm theo đồ nhắm (nghĩa trong văn bản).  [Câu 1: Những nét sinh hoạt nào của cư dân vùng đất Mũi Cà Mau được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Những ngôi nhà vùng đất Mũi có gì đặc biệt? Tại sao tác giả lại nói bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Ở trong một căn nhà đơn sơ, vì sao con người lại có cảm giác về sự thái bình, no ấm?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Theo em, vì sao người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà? Sở thích này thể hiện điều gì ở con người đất Mũi?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối của cư dân đất Mũi gợi cho em những suy nghĩ gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Nêu những cụm từ thể hiện tính chất khẩu ngữ của đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Liệt kê những từ ngữ địa phương trong đoạn trích. Cho biết tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ địa phương đó.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 8: Chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng.  b. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  GỢI Ý:  [Câu 1: Những nét sinh hoạt nào của cư dân vùng đất Mũi Cà Mau được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Đoạn trích nói về lối sinh hoạt của người dân đất Mũi như cách dựng nhà cửa, cách bài trí nhà cửa, thói quen ăn uống, sở thích ngủ đằng trước nhà,...  [Câu 2: Những ngôi nhà vùng đất Mũi có gì đặc biệt? Tại sao tác giả lại nói bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-45-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Em thử so sánh ngôi nhà của mình với ngôi nhà của người dân đất Mũi để thấy những nét khác biệt của nhà nơi đất Mũi: không bao giờ khép cửa, không có vách che đằng trước, chỉ treo cái rèm sơ sài chắn mưa, đặc biệt nhiều gió. Ngôi nhà thể hiện con người đất Mũi: sống hào sảng, rộng rãi, cởi mở, thật thà, hoà cùng thiên nhiên,... Có lẽ chính từ những điều này mà tác giả nhận thấy *bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy.*  [Câu 3: Ở trong một căn nhà đơn sơ, vì sao con người lại có cảm giác về sự thái bình, no ấm?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Ở trong một căn nhà đơn sơ, không có đồ đạc gì đáng giá nhưng con người vẫn thấy *thái bình, no ấm* là vì cuộc sống nơi đây thuận hoà, không có gì phải lo sợ, đề phòng. Con người hoà mình với biển trời, như thể của cải của con người chính là biển trời.  [Câu 4: Theo em, vì sao người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà? Sở thích này thể hiện điều gì ở con người đất Mũi?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Thông thường, chỗ ngủ là nơi kín đáo, là phòng riêng hoặc góc khuất được che chắn, tránh gió. Tuy nhiên, trong đoạn trích này, người xứ biển lại thích ngủ đằng trước nhà, trên sàn gỗ đước, bốn bề là gió, là biển. Những âm thanh của biển ru người ta vào giấc ngủ. Điều này thể hiện thể chất khoẻ mạnh, quen với sóng gió của người dân vùng biển. Điều kiện sinh tồn tôi luyện họ, cho họ sự thích ứng và sức mạnh, tạo cho họ những sở thích đặc biệt. Mặt khác, sở thích đó cũng thể hiện sự khoáng đạt, mạnh mẽ, cởi mở trong tính cách người đất Mũi.  [Câu 5: Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối của cư dân đất Mũi gợi cho em những suy nghĩ gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Chiều tối là thời điểm mọi người quây quần bên mâm cơm hoặc tụ họp vui vẻ. Cảnh sinh hoạt lúc chiều tối được miêu tả trong đoạn trích gợi cho người đọc cảm giác về sự ấm cúng, no đủ. Cảnh này chủ yếu được miêu tả qua mùi vị - những mùi vị rất đặc trưng của đất Mũi: mùi giàn lưới phơi, mùi khói hun muỗi, mùi cá thòi lòi kho, mùi mực khô nướng,... Sử dụng tối ưu khả năng cảm nhận của khứu giác, tác giả làm toát lên vẻ dân dã, thân thương, gần gũi, ấm áp của cảnh sống thường nhật ở miền đất Mũi.  [Câu 6: Nêu những cụm từ thể hiện tính chất khẩu ngữ của đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Ngôn ngữ trong tản văn thường có tính khẩu ngữ do người viết có tâm thế chuyện trò. Trong đoạn trích này, người viết sử dụng một số cách nói theo thói quen của người Nam Bộ (ví dụ: *khỏi chiếu, lai rai, thích không chịu được, thấy nhà nó hợp với con rạch nầy làm sao đâu*,...).  [Câu 7: Liệt kê những từ ngữ địa phương trong đoạn trích. Cho biết tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ địa phương đó.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)   |  |  | | --- | --- | | Từ nghĩa địa phương | Nghĩa | | Nầy | này | | Mưa Nam, mưa Chướng | Tương ứng mùa mưa, mùa khô ở Cà Mau | | Chằm đóp | Tấm rèm kết bằng lá dừa | | Con rạch | Đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Nước ròng | Vị trí thấp nhất của mực nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. | | Khoảng khoát | Rộng và thoáng | | Ấp | Làng, xóm nhỏ | | Mùng | Màn | | Khỏi | Không cần | | Mẻ un | Củi, xơ dừa, vỏ quýt, vỏ bưởi, … được đốt cho khói bốc lên để đuổi muỗi | | Cá thòi lòi | Cá leo cây, loài cá sống ở các bãi lầy cửa sông, có khả năng di chuyển trên bùn. | | Lai rai | Uống rượu từ từ từng chút một, thường kèm đồ nhắm. |   Từ ngữ địa phương trong đoạn trích làm tăng sắc thái địa phương cho văn bản và tác động tới cảm quan của người đọc, khơi gợi những ấn tượng riêng về vùng đất đặc biệt này.  [Câu 8: Chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-8-trang-46-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  a. Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng.  b. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.  Biện pháp tu từ được dùng trong các câu: câu a: biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ; câu b: biện pháp tu từ nhân hoá. Với từng câu, em hãy chỉ ra tác dụng của mỗi biện pháp tu từ.  **ĐỀ 6:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  *Làng Vân1 bị vây bọc quanh bởi nhiều con sông; và tôi nghĩ rằng đấy là một*  *thế đất cần thiết cho sự giữ bí quyết, bởi vì cho đến nay, chưa ai bắt chước được rượu làng Vân cả. Một đoàn những cụ già y phục dáng lễ hội đứng chờ chúng tôi, vẽ thành một hàng dài vui mắt ngay trên nền chiếu hoa trải thành hai hàng trên thềm nhà; trên đó bày đủ các thức ăn để nguội chừng đã lâu do chúng tôi đến trễ. Chúng tôi rủ nhau ngồi xuống chiếu trước những chai rượu Vân trong suốt. Một người nhà bưng ra những chiếc mâm đồng vàng ánh như còn mới, trên đó có chạm hoa văn nhỏ bằng đầu kim găm, lấm chấm phủ kín cả mặt đồng. Mỗi mâm có một cụ già bê từng món thức ăn đặt lên mâm đồng và hạ thấp ngọn măng sông2 xuống (bây giờ, tôi mới để ý căn nhà được thắp sáng bằng đèn măng sông). Bóng tối trở nên đậm đặc hơn, và tôi không biết chủ nhà đang bày ra trò vui nào đây. Cụ già quay lại lấy một chai rượu Vân chừng một lít đổ đầy mặt đồng và châm lửa, hoá ra đó là một cách hâm thức ăn. Phực một tiếng, ánh*  *lửa bốc thành ngọn đồng loạt trên những chiếc mâm đồng; ngọn lửa len lỏi qua những bát thức ăn vẽ thành những lượn sóng màu xanh biếc trên mặt thực khách.*  *Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối, trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai3 nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại. [...] Và trong không gian đó, tôi nghe lan toả một giai điệu quan họ4, và “người ở đừng về”5 đã nói với tôi một điều gì đó, giống như một điều nguồn cội thuộc văn hoá dân tộc.*  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Rượu làng Vân*, in trong Miễn gái đẹp, NXB Thuận Hoá, Thừa Thiên - Huế, 2001, tr. 28 - 30)  Làng Vân: ngôi làng thuộc xứ Kinh Bắc xưa (nay thuộc tỉnh Bắc Giang), nổi tiếng với nghề nấu rượu.  Măng sông: loại đèn thắp bằng xăng hoặc dầu hoả,... có thể treo lên cao.  Bán khai: đã qua trạng thái dã man nhưng chưa tới trình độ văn minh.  Quan họ: dân ca trữ tình vùng Bắc Ninh, Bắc Giang.  “Người ở đừng vẽ”: tên một làn điệu quan họ.  [Câu 1: Nét sinh hoạt nào của cư dân làng Vân được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 2: Nêu những chi tiết miêu tả nét văn hoá độc đáo của làng Vân trong đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 3: Khung cảnh bữa tiệc đón khách ở làng Vân được miêu tả như thế nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 4: Việc các bậc cao niên trong làng tiếp khách thể hiện đặc điểm gì của người dân nơi đây?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 5: Đọc đoạn trích, em cảm nhận được gì về thái độ ứng xử với văn hoá vùng miền của tác giả?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 6: Rượu làng Vân là loại rượu quê khá nổi tiếng. Có nhiều làng quê trên đất nước Việt Nam là những làng nghề chuyên sản xuất những sản phẩm truyền thống. Kể tên và chia sẻ nét văn hoá độc đáo của những làng nghề mà em biết.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  [Câu 7: Xác định các biện pháp tu từ được dùng trong câu văn dưới đây và nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối; trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại*.  GỢI Ý:  [Câu 1: Nét sinh hoạt nào của cư dân làng Vân được nói tới trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-1-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Đoạn trích chủ yếu miêu tả một buổi tiếp khách của cư dân làng Vân. Ở vùng Kinh Bắc xưa, đón khách, tiếp khách thể hiện phong tục của làng xã. Chính vì vậy, qua việc tiếp khách, ta có thể nhận ra những phong tục độc đáo, sự hiếu khách của người dân địa phương.  [Câu 2: Nêu những chi tiết miêu tả nét văn hoá độc đáo của làng Vân trong đoạn trích.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-2-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Em hãy tìm những chi tiết miêu tả nét văn hoá em cho là độc đáo của làng Vân. Ví dụ: trang phục tiếp khách, cách hâm nóng thức ăn, hát quan họ,...  [Câu 3: Khung cảnh bữa tiệc đón khách ở làng Vân được miêu tả như thế nào?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-3-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Đoạn trích miêu tả một khung cảnh rất đặc biệt. Có một số yếu tố tạo dựng khung cảnh, nhưng yếu tố ánh sáng được chú trọng, kèm theo đó là âm thanh. Ánh sáng đèn được giảm tối đa để bừng lên ánh sáng của các mâm rượu. Ánh sáng nhảy múa trên gương mặt thực khách. Trong không gian đó, vẳng lên tiếng hát quan họ. Ngoài ra còn có những chai rượu Vân, những chiếc mâm đồng và hoạt động của con người.  [Câu 4: Việc các bậc cao niên trong làng tiếp khách thể hiện đặc điểm gì của người dân nơi đây?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-4-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Ở vùng nông thôn Bắc Bộ, nhất là vùng Kinh Bắc xưa, các bậc cao niên được tôn kính, những hoạt động lễ nghi trang trọng đều do các cụ thực hiện. Tiếp khách quý cũng được coi là một nghi lễ. Do vậy, trong văn bản này, ta thấy các cụ trong làng là người đón khách, tiếp khách với trang phục lễ nghi, tiến hành việc điều phối ánh sáng, đốt lửa,... Điều này thể hiện một tục lệ đẹp của người dân địa phương.  [Câu 5: Đọc đoạn trích, em cảm nhận được gì về thái độ ứng xử với văn hoá vùng miền của tác giả?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-5-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường là người vùng khác, đến làm khách ở làng Vân. Ông biểu lộ sự háo hức, thích thú trước những nét văn hoá của vùng này. Thái độ tôn trọng, đề cao những nét văn hoá đó thể hiện cái nhìn rộng mở của nhà văn: biết trân trọng sự khác biệt, yêu thích những nét văn hoá truyền thống độc đáo của các vùng miền.  [Câu 6: Rượu làng Vân là loại rượu quê khá nổi tiếng. Có nhiều làng quê trên đất nước Việt Nam là những làng nghề chuyên sản xuất những sản phẩm truyền thống. Kể tên và chia sẻ nét văn hoá độc đáo của những làng nghề mà em biết.](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-6-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  Trên đất nước Việt Nam có hàng nghìn làng nghề truyền thống. Làng nghề là làng chuyên về một nghề, phần lớn là nghề thủ công (làm tranh dân gian, làm đồ gỗ, làm nón, làm tò he, thêu, làm tương, làm gốm,...). Làng Vân có nghề nấu rượu từ sắn, gạo. Em hãy tìm hiểu thêm trên in-tơ-nét, sách báo, tài liệu hoặc quan sát ở địa phương để kể về những làng nghề như thế.  [Câu 7: Xác định các biện pháp tu từ được dùng trong câu văn dưới đây và nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-7-kn/cau-7-trang-47-sbt-ngu-van-lop-7-tap-1-ket-noi.jsp)  *Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối; trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại*.  Biện pháp tu từ được dùng ở câu văn này là nhân hoá và so sánh.  + Nhân hóa: *những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối.*  *+*So sánh: *trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại*.  → tác dụng: tạo ra tính gợi hình, gợi cảm cho câu văn. |